

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN L
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2019/HNGĐ-ST.

Ngày: 17-7-2019.

“V/v Ly hôn giữa anh Lê Hoàng T
và chị Bùi Thị Tuyết M”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN L, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Kiến.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thành Công.

2. Bà Trần Kim Anh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hà Thị Mỹ Xuân - Thư ký Tòa án Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện L, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Trọng Huy - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 7 năm 2019, tại trụ sở của Tòa án nhân dân huyện Lấp Vò xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 405/2018/TLST-HNGĐ, ngày 17 tháng 12 năm 2018, về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 49/2019/QĐXXST-HNGĐ, ngày 20 tháng 6 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Lê Hoàng T, sinh năm 1986; địa chỉ: Số 213 ấp T, xã T, huyện L, tỉnh Đồng Tháp; Anh T có mặt tại phiên tòa.

- *Bị đơn:* Chị Bùi Thị Tuyết M, sinh năm 1983; địa chỉ: Số 293B/1950 ấp Hưng Thành Đông, xã Long Hưng B, huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp; chị M không có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 26 tháng 11 năm 2018 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn Lê Hoàng T trình bày: Anh T và chị M cưới nhau vào năm 2013, đăng ký kết hôn vào ngày 24 tháng 12 năm 2014 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện L, tỉnh Đồng Tháp theo Giấy chứng nhận kết hôn số 108. Sau khi kết hôn, anh T và

chị M chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn vợ chồng là do anh T và chị M cưới nhau là thông qua mai mối, chưa tìm hiểu rõ về tính cách của nhau nên quá trình sống chung vợ chồng đã gặp phải tình trạng bất đồng quan điểm sống, chị M không lo lắng cho gia đình, thường xuyên bỏ nhà chồng đi trong thời gian dài. Vợ chồng đã ly thân từ tháng 12 năm 2016 đến nay. Từ lúc ly thân đến nay, vợ chồng không đến thăm hỏi, quan tâm nhau, hiện tình cảm vợ chồng không còn nên anh T yêu cầu được ly hôn với chị M. Về con chung: Anh T và chị M có 01 con chung tên Lê Ngọc Minh T, sinh ngày 23 tháng 10 năm 2015, hiện nay đang do chị M trực tiếp nuôi dưỡng. Khi ly hôn, anh T đồng ý để chị M được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng con chung, anh T không cấp dưỡng nuôi con. Về chia tài sản và nợ chung: Anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chị Bùi Thị Tuyết M không có ý kiến cũng như không có mặt tại phiên tòa.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán chủ tọa phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều đúng quy định của pháp luật.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

Về đường lối giải quyết vụ án:

Kiểm sát viên cho rằng, căn cứ vào tài liệu chứng cứ do đương sự cung cấp và Tòa án thu thập được trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như kết quả tranh tụng tại phiên tòa, nhận thấy quan hệ hôn nhân của anh Lê Hoàng T và chị Bùi Thị Tuyết M đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Hội đồng xét xử cho ly hôn giữa anh T và chị M.

Về con chung: Đề nghị Hội đồng xét xử giao con chung tên Lê Ngọc Minh T, sinh ngày 23 tháng 10 năm 2015 đang do chị M trực tiếp nuôi dưỡng cho chị M tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Việc anh Lê Hoàng T xin ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn với chị Bùi Thị Tuyết M là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án, quy định tại Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Quan hệ pháp luật tranh chấp giữa anh T và chị M thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân cấp huyện, quy định tại Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự. Do chị M có địa chỉ cư trú tại số nhà 293B/1950 ấp Đ, xã L, huyện L, tỉnh Đồng Tháp nên Tòa án nhân dân huyện Lấp Vò thụ lý và giải quyết vụ án là đúng quy định tại Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Đối với chị M là bị đơn trong vụ án, dù Tòa án đã tổng đạt đầy đủ văn bản tố tụng theo quy định, chị M đã trực tiếp nhận Thông báo thụ lý vụ án, bản photo đơn khởi kiện và các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ vụ án nhưng bị đơn không gửi văn bản cho biết ý kiến của bị đơn về yêu cầu của nguyên đơn, đồng thời cũng không có mặt tại Tòa án để giải quyết vụ án. Do đó Tòa án sẽ tiếp tục giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

[2] Về hôn nhân:

Việc anh Lê Hoàng T và chị Bùi Thị Tuyết M đăng ký kết hôn vào ngày 24 tháng 12 năm 2014 tại Ủy ban nhân dân xã Tân Mỹ, huyện Lập Vò, tỉnh Đồng Tháp theo Giấy chứng nhận kết hôn số 108, đã tuân thủ quy định tại khoản 1 Điều 8 và khoản 1 Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình, nên được Tòa án công nhận là vợ chồng hợp pháp và được pháp luật bảo vệ.

Sau khi kết hôn, vợ chồng phải có nghĩa vụ thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. Tuy nhiên, anh T và chị M đã không làm được điều đó, sau vài năm chung sống, anh T và chị M đã xảy ra bất đồng trong quan điểm sống, mỗi người chỉ lo cho cuộc sống riêng của mình, anh T cho rằng chị M thường tự ý bỏ nhà đi nhiều lần, thường xuyên có lời lẽ không tôn trọng đối với gia đình chồng. Hành động và việc làm của anh T và chị M đã vi phạm tình nghĩa vợ chồng quy định tại Điều 19 của Luật hôn nhân và gia đình, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được; từ khi ly thân đến nay đã hơn hai năm, trong thời gian này anh T và chị M đã không hàn gắn tình cảm và đoàn tụ gia đình; Tòa án đã tổ chức hòa giải để anh T và chị M đoàn tụ nhưng chị M vắng mặt không lý do.

Đối với chị M, Tòa án đã tổng đạt đầy đủ văn bản tố tụng nhưng chị M vắng mặt, chị M biết được việc anh T yêu cầu ly hôn với những lý do trên nhưng không gửi văn bản cho biết ý kiến, cũng không có mặt tại Tòa án để giải quyết vụ án, xem như chị M từ bỏ các quyền của mình.

Xét thấy, yêu cầu ly hôn của anh T là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về nuôi con chung: Anh T và chị M có 01 con chung tên Lê Ngọc Minh T, sinh ngày 23 tháng 10 năm 2015, hiện nay đang do chị M trực tiếp nuôi dưỡng. Khi ly hôn, anh T đồng ý để chị M được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng con chung, anh T không cấp dưỡng. Xét thấy từ khi vợ chồng ly thân cho đến nay cháu Minh T vẫn do chị M trực tiếp nuôi dưỡng và cháu Minh T phát triển bình thường như bao đứa trẻ cùng trang lứa khác, sự tự nguyện này của anh T là phù hợp với quy định tại các Điều 81, 82 Luật hôn nhân và gia đình nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Sau khi ly hôn, chị Bùi Thị Tuyết M cùng các thành viên gia đình không được cản trở anh Lê Hoàng T trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con, được quy định tại Điều 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về chia tài sản: Anh Lê Hoàng T không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về nợ chung: Anh Lê Hoàng T không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Xét lời phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa về việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của các đương sự và đề nghị về đường lối giải quyết vụ án là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về án phí: Anh Lê Hoàng T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 8, khoản 1 Điều 9, Điều 56, 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 96, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân:

Cho ly hôn giữa anh Lê Hoàng T và chị Bùi Thị Tuyết M.

2. Về nuôi con chung:

2.1. Giao con chung tên Lê Ngọc Minh T, sinh ngày 23 tháng 10 năm 2015 cho chị Bùi Thị Tuyết M trực tiếp nuôi dưỡng, anh Lê Hoàng T không có nghĩa vụ đóng góp (cấp dưỡng) nuôi con chung là cháu T cùng chị M.

2.2. Sau khi ly hôn, chị Bùi Thị Tuyết M cùng các thành viên gia đình không được cản trở anh Lê Hoàng T trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

3. Về chia tài sản: Không xem xét giải quyết.

4. Về nợ chung: Không xem xét giải quyết.

5. Về án phí:

Anh Lê Hoàng T phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án hôn nhân và gia đình, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số BH/2017/0007106 ngày 14 tháng 12 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện L (Anh T đã nộp đủ án phí).

Anh Lê Hoàng T có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Chị Bùi Thị Tuyết M có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ cho chị M.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND huyện L;
- CC.THADS huyện L;
- UBND xã T;
- (GCNKH số 108 quyền 01 ngày 24/12/2014)
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA, VPTA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Văn Kiến